

BỘ Y TẾ
VIỆN Y HỌC BIỂN VIỆT NAM

BÁO CÁO TÓM TẮT ĐỀ TÀI

NGHIÊN CỨU MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM THÂN KINH – TÂM LÝ CỦA THUYỀN VIÊN VIỆT NAM LÀM VIỆC TRÊN CÁC TÀU VẬN TẢI VIỄN DƯƠNG NĂM 2012

NGƯỜI THỰC HIỆN:
1. TS. TRẦN THỊ QUỲNH CHI
2. THS. NGUYỄN VĂN TÂM

ĐẶT VẤN ĐỀ

- ❑ Tàu vận tải viễn dương là những tàu có trọng tải lớn, thường vào khoảng 1 vạn tấn trở lên và phạm vi hoạt động rộng lớn trên mọi đại dương (World wide).
- ❑ Mỗi chuyến hành trình trên biển thường kéo dài 9 tháng tới 12 tháng, thậm chí kéo dài hơn. Trong suốt thời gian hành trình trên biển thuyền viên thường xuyên phải sống và làm việc trong những điều kiện hết sức khó khăn. Kết quả là tạo ra gánh nặng thân kinh - tâm lý ảnh hưởng đến sức khoẻ thuyền viên

ĐẶT VẤN ĐỀ

- ❑ Nghiên cứu của của Bùi Thị Hà và Nguyễn Trường Sơn năm 2004 đối với thuyền viên vận tải xăng dầu thì mức độ trầm cảm nhẹ ở thuyền viên là 32,49%, mức độ vừa ở thuyền viên là 17,95%, suy nhược thân kinh ở thuyền viên vận tải xăng dầu là 25,65% .
- ❑ Nghiên cứu của Nguyễn Trường Sơn và Trần Thị Quỳnh Chi năm 2004 cho thấy các rối loạn về hành vi tâm thần xảy ra trên thuyền viên đạt tỷ lệ 12,66% trong khi đó đối với người lao động trên đất liền chỉ có 0,61%.

MỤC TIÊU ĐỀ TÀI

- ❑ 1. *Mô tả một số đặc điểm thân kinh – tâm lý của thuyền viên làm việc trên các tàu vận tải viễn dương.*
- ❑ 2. *Nghiên cứu một số yếu tố liên quan đến đặc điểm thân kinh – tâm lý của thuyền viên vận tải viễn dương.*

TỔNG QUAN TÀI LIỆU

Đặc điểm điều kiện môi trường lao động trên tàu biển



```

    graph TD
      A[Môi trường lao động trên tàu biển] --- B[Nhiệt độ]
      A --- C[Thông gió]
      A --- D[Sóng điện từ Sóng siêu cao tần]
      A --- E[Rung lắc]
      A --- F[Độ ẩm]
      A --- G[Tiếng ồn]
    
```

TỔNG QUAN TÀI LIỆU

Đặc điểm môi trường vì xã hội trên trên tàu biển

```

    graph TD
      A[Môi trường vì XH trên Tàu biển] --- B[XH đồng giới]
      A --- C[Xa cách người thân]
      A --- D[Làm ca]
      A --- E[Thiếu vui chơi giải trí]
      A --- F[Cách trở cấp bậc]
      A --- G[Có lập với đất liền]
    
```

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

□ Đối tượng nghiên cứu

✓ Nhóm nghiên cứu: Gồm các thuyền viên đang làm việc trên các tàu viễn dương của Công ty Vitranschart, toàn bộ là nam giới, thời gian đi biển (tuổi nghề ít nhất từ 2 năm trở lên). Nhóm này được chia thành 3 nhóm nhỏ :

- + Nhóm boong
- + Nhóm máy tàu
- + Nhóm các thuyền viên làm các chức danh khác

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

□ Địa điểm và thời gian nghiên cứu

➢ Địa điểm nghiên cứu:

- Tàu vận tải viễn dương của công ty Vitranschart nằm trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
 - Khoa khám và quản lý sức khỏe thuyền viên, Viện Y học biển Việt Nam.
- Thời gian nghiên cứu: từ tháng 2 năm 2012 đến tháng 2 năm 2013.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

□ Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu dọc

□ Cơ mẫu nghiên cứu

✓ *Cơ mẫu cho tàu nghiên cứu*

Chọn chủ đích 10 tàu chở hàng bách hóa của công ty Vitranschart

✓ *Cơ mẫu nghiên cứu cho thuyền viên*

Khám sức khỏe cho tất cả các thuyền viên tham gia hành trình trên 10 tàu trên. Mỗi tàu viễn dương có khoảng 24 thuyền viên. Trên thực tế chúng tôi khám và phỏng vấn được 240 thuyền viên.



ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

□ Thu nhận thông tin từ đối tượng nghiên cứu

- ✓ Sử dụng phiếu điều tra do người nghiên cứu phỏng vấn trực tiếp để tìm hiểu điều kiện sống, điều kiện sinh hoạt, các rối loạn thần kinh tâm lý của thuyền viên trong chuyến hành trình trên biển.
- ✓ Thuyền viên được phỏng vấn, khám sức khỏe tại 02 thời điểm: Trước khi xuống tàu và khi tàu cập Cảng sau hành trình một năm.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

□ Nội dung và các chỉ tiêu nghiên cứu

➢ 1. *Nghiên cứu các chỉ tiêu thần kinh tâm lý của thuyền viên*

- ❖ 1.1. Phiếu điều tra trắc nghiệm tâm lý chung của thuyền viên do Viện Y học biển soạn thảo dựa trên bộ câu hỏi trắc nghiệm đang được sử dụng tại các Viện Y học biển quốc tế có sửa đổi cho phù hợp với thuyền viên Việt Nam. Sử dụng bảng phiếu bao gồm 15 câu hỏi. Đối tượng nghiên cứu đọc câu hỏi và trả lời trong vòng 10 phút.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- ❖ 1.2. Nghiên cứu đặc điểm nhân cách của thuyền viên
 - Dựa trên test trắc nghiệm Eysenck. Test gồm 57 câu hỏi. Đối tượng nghiên cứu, đọc kỹ câu hỏi và trả lời trong vòng 10 phút. Số điểm được phân tích trên vòng toạ độ của Eysenck, đánh giá đặc điểm khí chất của thuyền viên: Hướng nội – ngoại, ổn định – không ổn định, nóng nảy, hoạt bát – lười lị, u sầu...

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- ❖ 1.3. Đánh giá khối lượng và sự di chuyển chú ý: Bảng sắp xếp 25 con số lộn xộn, là các chữ số dưới 100. Đối tượng nhìn vào và viết lại các số trong vòng 2 phút vào một bảng khác theo thứ tự từ nhỏ đến lớn.

Phân loại	Số chữ số ghi được
Loại giỏi	> 22 số
Loại khá	17 - 22 số
Loại trung bình	12 - 16 số
Loại kém	< 12 số

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- ❖ 1.4. Đánh giá khả năng tư duy: bằng bảng trị số tương quan Bảng gồm 18 bài tập, mỗi bài cho biết mối tương quan giữa A và B. Đối tượng có nhiệm vụ xác định mối tương quan giữa A và C. Chỉ tiêu này đánh giá thời gian hoàn thành test tính bằng giây(s).

$$\text{Tần số sai} = \frac{\text{Số bài sai}}{\text{Số bài đúng}}$$

$$\text{Tốc độ hoàn thành} = \frac{\text{Thời gian hoàn thành}}{\text{Số bài đúng}}$$

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Tiêu chuẩn đánh giá khả năng tư duy bằng bảng trị số tương quan

Loại	Chỉ số	Thời gian hoàn thành	Tần số sai	Tốc độ hoàn thành
Giỏi	< 230	< 0.25	< 0.078	
Khá	230 - 249	0.25 - 0.43	0.078 - 0.063	
Trung bình	250 - 489	0.44 - 0.61	0.062 - 0.025	

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Tiêu chuẩn đánh giá mức độ trầm cảm dựa trên test Beck

Kết quả test Beck	Mức độ trầm cảm
< 4 điểm	Không trầm cảm
5 - 7 điểm	Trầm cảm mức độ nhẹ
8 - 15 điểm	Trầm cảm mức độ vừa
> 16 điểm	Trầm cảm mức độ nặng

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

➤ 2. Nghiên cứu một số chỉ tiêu liên quan tới rối loạn thần kinh tâm lý của thuyền viên viễn dương

- ☐ Liên quan giữa môi trường lao động trên biển khắc nghiệt và rối loạn thần kinh tâm lý của thuyền viên viễn dương.
- ☐ Liên quan giữa căng thẳng cảm xúc tình dục và rối loạn thần kinh tâm lý của thuyền viên viễn dương.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- ☐ Liên quan giữa cảm giác cô đơn giầy vò và rối loạn thần kinh tâm lý của thuyền viên viễn dương.
- ☐ Liên quan giữa lo lắng do tai nạn hay thảm họa trên biển và rối loạn thần kinh tâm lý của thuyền viên viễn dương.
- ☐ Liên quan giữa được đào tạo, không được đào tạo về cấp cứu ban đầu trên biển và rối loạn thần kinh tâm lý của thuyền viên viễn dương.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

❑ Xử lý số liệu nghiên cứu

Sử dụng phần mềm SPSS 11.5 để xử lý số liệu, các test thống kê và phương pháp thống kê y sinh học.

❑ Phương pháp hạn chế sai số

Chọn cán bộ tham gia nghiên cứu là những cán bộ thành thạo về chuyên môn và được tập huấn kỹ về nội dung nghiên cứu.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

❑ Đạo đức trong nghiên cứu

- ✓ Đề tài nghiên cứu được sự đồng ý của lãnh đạo hai công ty Vosco và Vitranschart. Thuyền viên tham gia nghiên cứu hoàn toàn tự nguyện.
- ✓ Trước khi điều tra phỏng vấn, các điều tra viên phải giải thích rõ mục đích và ý nghĩa của cuộc điều tra cho đối tượng nghiên cứu hiểu và cùng cộng tác.
- ✓ Giữ kín thông tin cho đối tượng nghiên cứu.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Bảng 3.1. Tuổi đời, tuổi nghề của đối tượng nghiên cứu

ĐTNC	n	CTNC	
		Tuổi đời ($X \pm SD$)	Tuổi nghề ($X \pm SD$)
TV vận tải biển dương	240	36,45 \pm 8,34	11,56 \pm 5,25

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Bảng 3.2. Phân bố đối tượng nghiên cứu theo chức danh trên tàu

Chức danh	KQNC	
	n	Tỷ lệ (%)
Nhóm boong	102	42,49
Nhóm máy	86	35,84
Nhóm chức danh khác	52	21,67
Tổng	240	100

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Bảng 3.3. Phân bố đối tượng nghiên cứu theo cấp bậc trên tàu

ĐTNC	KQNC	
	n	Tỷ lệ (%)
Sỹ quan	83	34,58
Thuyền viên	157	65,42
Tổng	240	100

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Bảng 3.4. Phân bố đối tượng nghiên cứu theo nhóm tuổi

Nhóm tuổi KQNC	20 - 29	30 - 39	40 - 49	≥ 50
	n	69	83	54
Tỷ lệ (%)	28,75	34,58	22,50	14,17

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Bảng 3.5. Phân bố đối tượng nghiên cứu theo nhóm tuổi nghề

KQNC	Tuổi nghề (năm)				
	2 - 5	6 - 10	11 - 15	16 - 20	≥ 21
n	46	50	57	47	40
Tỷ lệ (%)	19,16	20,83	23,75	19,58	16,68

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Bảng 3.6. Đặc điểm tâm lý của thuyền viên khi hành trình trên biển

CTNC \ KQNC	Có		Không	
	n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)
Lo lắng tai nạn, thảm họa xảy ra	214	89,16	26	10,84
Căng thẳng do tiếng ồn, rung, hơi xăng dầu	216	90,00	24	10,00
Cảm giác cô đơn giày vò	157	65,41	83	34,59
Căng thẳng cảm xúc tình dục	166	69,16	74	30,84
Môi trường LĐ trên biển khác nghiệt	141	58,75	99	41,25
Gánh nặng về kinh tế	133	55,41	107	44,59
Lo nghĩ quá nhiều về gia đình	135	56,25	105	43,75

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Bảng 3.7. Thay đổi loại hình thần kinh của thuyền viên (test Eysensk) trước và sau hành trình

CTNC \ KQNC	Trước hành trình		Sau hành trình		P
	n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)	
U sầu	55	22,91	104	43,33	< 0,05
Nóng nảy	32	13,34	39	16,25	< 0,05
Lâm lý	43	17,91	54	22,50	< 0,05
Hoạt bát	110	45,84	43	17,92	< 0,05
Tổng	240	100	240	100	

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Bảng 3.8. Đánh giá khả năng chú ý của TVVD trước và sau hành trình

CTNC \ KQNC	Trước hành trình		Sau hành trình		P
	n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)	
Giỏi	05	2,08	0	0	< 0,05
Khá	58	24,16	9	3,75	< 0,05
Trung bình	112	46,67	55	22,91	< 0,05
Kém	65	27,09	176	73,34	< 0,05
Tổng	240	100	240	100	

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

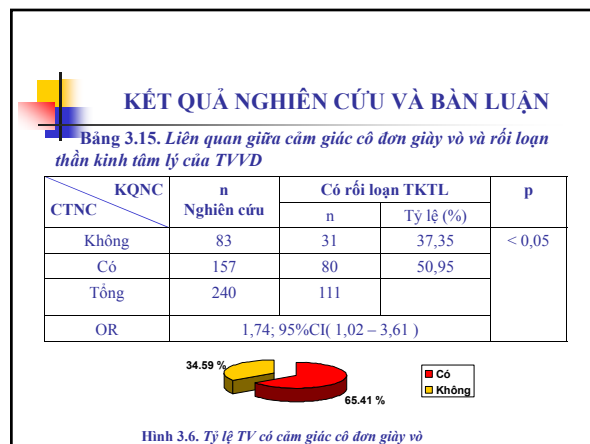
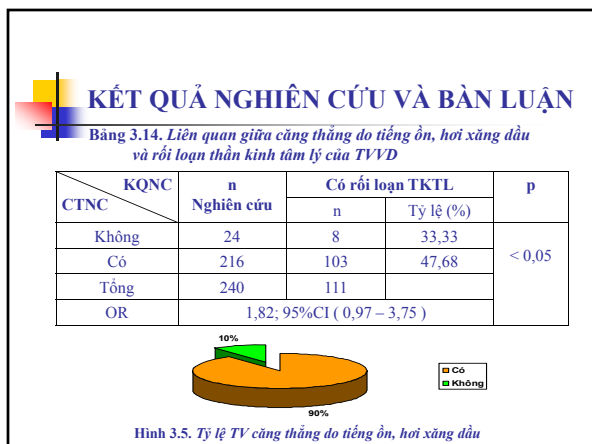
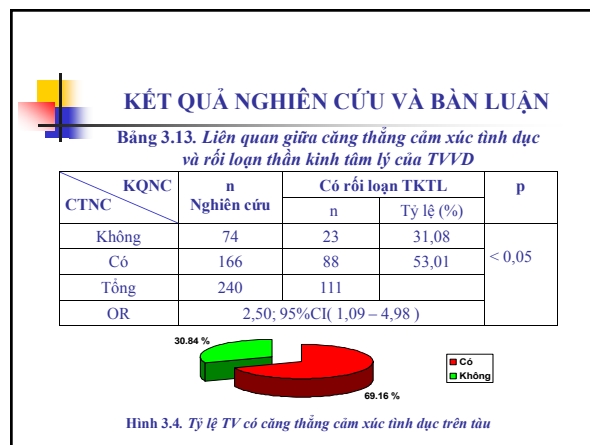
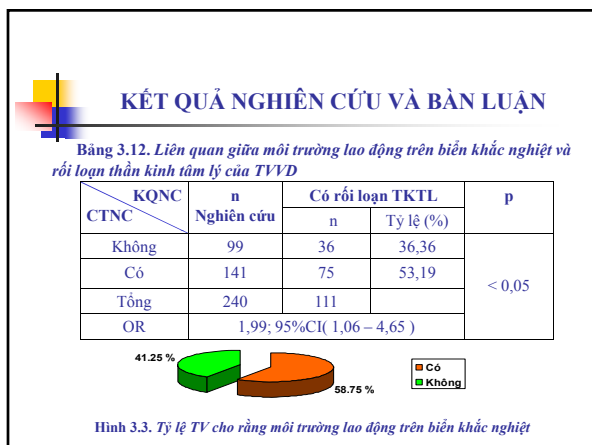
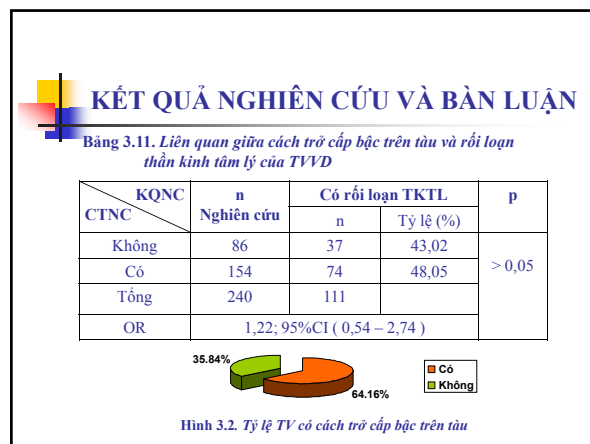
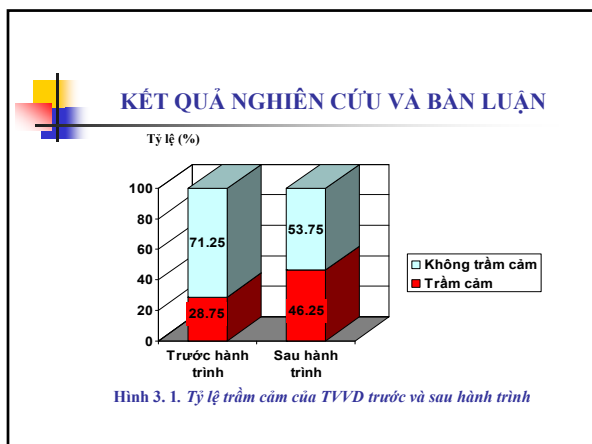
Bảng 3.9. Khả năng tư duy của TVVD trước và sau hành trình

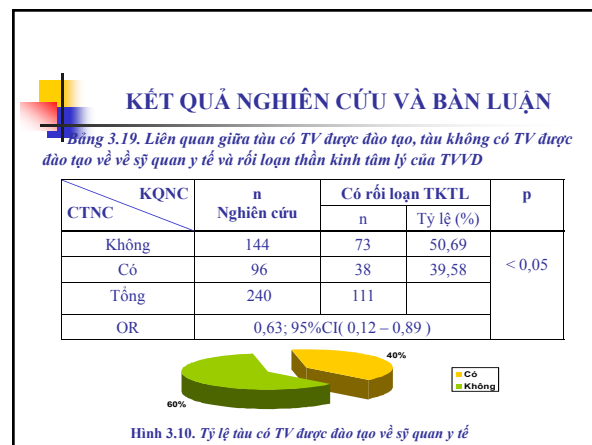
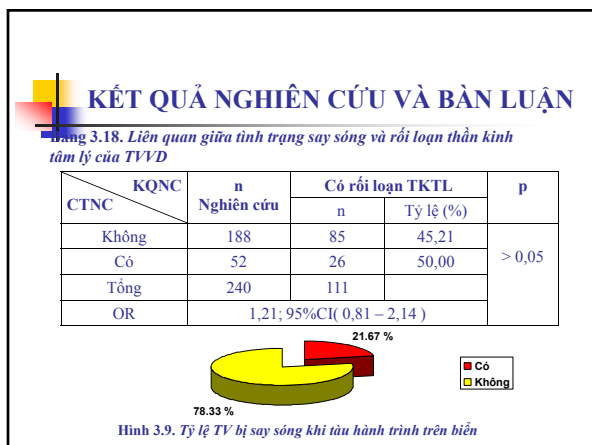
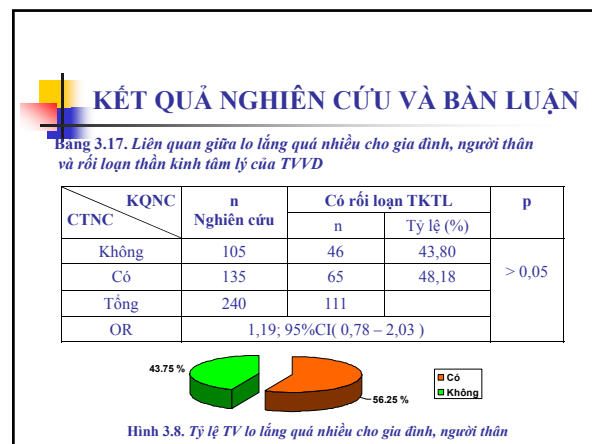
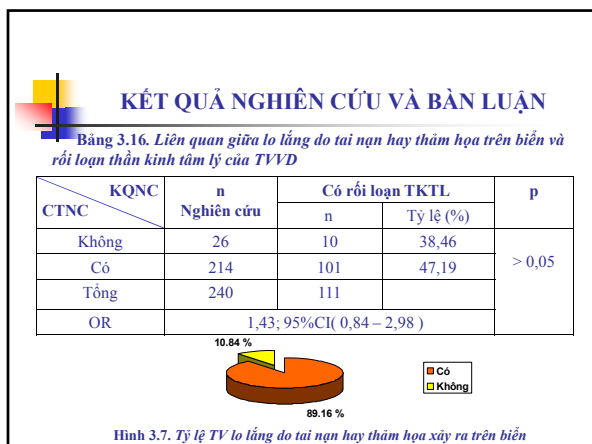
CTNC \ KQNC	Trước hành trình		Sau hành trình		P
	n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)	
Giỏi	18	7,50	15	6,25	> 0,05
Khá	63	26,25	42	17,50	< 0,05
Trung bình	159	66,25	183	76,25	< 0,05
Tổng	240	100	240	100	

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Bảng 3.10. Mức độ trầm cảm của TVVD trước và sau hành trình

Mức trầm cảm \ KQNC	Trước hành trình		Sau hành trình		P
	n	Tỷ lệ (%)	n	Tỷ lệ (%)	
Bình thường (< 4 điểm)	171	71,25	129	53,75	< 0,05
Nhe (5-7 điểm)	56	23,33	83	34,58	< 0,05
Vừa (8-15 điểm)	13	5,42	28	11,67	< 0,05
Nặng (> 16 điểm)	0	0,00	0	0,00	= 1
Tổng	240	100	240	100	





KẾT LUẬN

1. Đặc điểm thần kinh - tâm lý của thuyền viên viễn dương

- ✓ Sau hành trình đa số thuyền viên có loại hình thần kinh u sầu 43,33%.
- ✓ Sau hành trình khả năng chú ý của thuyền viên giảm hơn so với trước hành trình: Kém 73,34%; trung bình 22,91%; khá 3,75%; không có thuyền viên loại giỏi.
- ✓ Khả năng tư duy của thuyền viên sau hành trình giảm hơn so với trước hành trình: tư duy trung bình 76,25%; khá 17,50%; giỏi 6,25%.
- ✓ Mức độ trầm cảm của thuyền viên sau hành trình tăng cao so với trước hành trình: 46,25% và 28,75%.

KẾT LUẬN

2. Một số yếu tố liên quan đến đặc điểm thần kinh – tâm lý của TVVD

- ✓ Thuyền viên thấy môi trường lao động trên biển khắc nghiệt nguy cơ bị rối loạn thần kinh tâm lý cao gấp 1,99 lần, p < 0,05.
- ✓ Thuyền viên căng thẳng cảm xúc tình dục có nguy cơ bị rối loạn thần kinh tâm lý cao gấp 2,5 lần, p < 0,05.
- ✓ Thuyền viên cảm thấy cô đơn giày vò nguy cơ bị rối loạn thần kinh tâm lý cao gấp 1,74 lần, p < 0,05.
- ✓ Nguy cơ bị rối loạn thần kinh tâm lý giữa nhóm thuyền viên được đào tạo về vệ sinh quan y tế bằng 0,63 lần , p < 0,05.



KHUYẾN NGHỊ

- ❑ 1. Các công ty vận tải nên trang bị cho các tàu viễn dương các phương tiện nghe nhìn, sách báo, tạp chí, dụng cụ tập thể dục để thuyền viên có thể sử dụng khi rảnh rỗi trên tàu. Chủ tàu tạo điều kiện để các thuyền viên tàu vận tải viễn dương được liên lạc với gia đình, người thân ít nhất 1-2 lần/ 1 tuần
- ❑ 2. Các công ty vận tải biển cần gửi sỹ quan và thuyền viên đi đào tạo, cập nhật về Y học biển và cấp cứu ban đầu trên biển để họ có thể chẩn đoán và xử lý được các bệnh thông thường, hoặc các tai nạn trên biển, đặc biệt là có thể biết cách xin tư vấn Telemedicine từ các Trung tâm Y học biển trên đất liền để phối hợp điều trị cho nạn nhân mà tàu không phải cập bờ.

